

**TỔNG CT CP XD ĐIỆN VIỆT NAM  
CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN  
VNECO3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/ CBTT-VNECO3

Vinh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội**

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3

Mã chứng khoán : VE3

Trụ sở chính : Khối 3, Phường Trung đô , Thành phố Vinh , Tỉnh Nghệ an

Điện thoại : 038.3855619 – 112 . Fax: 038.3855263

Người thực hiện công bố thông tin : Bùi Đức Long

**Nội dung công bố thông tin :**

Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2024 của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 được lập ngày 12 tháng 08 năm 2024 bao gồm :

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Công văn số 10/VNECO3- TCKT ngày 14/08/2024 giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế.

Địa chỉ Website đăng tải báo cáo tài chính : vneco3.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố .

Nơi gửi : Như trên

Lưu : Công ty;

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Bùi Đức Long**

-Mẫu số 01-B

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG  
ĐIỆN VNECO3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số10/CBTT-VNECO3

Nghệ An, ngày 14 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng đầu năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO3

- Mã chứng khoán: VE3
- Địa chỉ: Khối 3 – Phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02383 855 619 Fax: 02383 855 263
- Email: hdqtvneco3@gmail.com Website: <https://vneco3.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng đầu năm 2024  
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/08/2024 tại đường dẫn: vneco3.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC 6 tháng 2024
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận 6 tháng 2024.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**Bùi Đức Long**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 38

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam). Quyết định số 122/2033/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900576216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20/11/2003, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 06 ngày 08/06/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 08/06/2023 là: 13.197.100.000 VND (*Bằng chữ: Mười ba tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VE3.

Trụ sở chính của Công ty: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đào Ngọc Quỳnh	Chủ tịch
Ông Trần Đức Thanh	Ủy viên
Ông Trương Thường Thịnh	Ủy viên
Bà Võ Hồng Cẩm Tú	Ủy viên
Ông Bùi Quang Thành	Ủy viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Thế Tam	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Mạnh Xuân Kỳ	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 12/7/2024)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trần Đức Thanh**  
**Giám đốc**

Nghệ An, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Số: 288/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo soát xét ngày 12/8/2023 đưa ra Kết luận chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>99.092.278.683</b>	<b>115.585.120.293</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.219.582.099</b>	<b>20.150.876.115</b>
1. Tiền	111		164.582.099	19.095.876.115
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.055.000.000	1.055.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>56.511.049.867</b>	<b>65.321.216.519</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	35.930.826.268	47.288.491.886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.567.088.869	5.021.391.506
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	15.322.311.573	14.586.369.724
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.309.176.843)	(1.575.036.597)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>39.136.718.042</b>	<b>28.622.099.567</b>
1. Hàng tồn kho	141		39.206.778.904	28.692.160.429
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(70.060.862)	(70.060.862)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.024.928.675</b>	<b>290.928.092</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	43.928.942	35.947.330
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		980.999.733	254.980.762
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+230+260)	<b>200</b>		<b>8.555.615.361</b>	<b>9.031.925.002</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.761.507.814</b>	<b>5.143.238.261</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	4.761.507.814	5.143.238.261
- Nguyên giá	222		16.362.697.252	16.362.697.252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.601.189.438)	(11.219.458.991)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>3.486.000.000</b>	<b>3.486.000.000</b>
1. Nguyên giá	231		3.486.000.000	3.486.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>308.107.547</b>	<b>402.686.741</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	308.107.547	402.686.741
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>107.647.894.044</b>	<b>124.617.045.295</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>88.546.973.122</b>	<b>105.594.507.297</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>88.137.289.716</b>	<b>105.184.823.891</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	30.497.804.432	53.258.416.513
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	11.045.046.410	9.274.449.585
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	391.323.348	506.000.667
4. Phải trả người lao động	314		511.270.586	412.513.926
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	272.084.510	3.371.248.026
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.371.100.157	1.708.810.039
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	42.856.948.353	36.417.860.215
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		74.950.127	74.950.127
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		116.761.793	160.574.793
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>409.683.406</b>	<b>409.683.406</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	409.683.406	409.683.406
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>19.100.920.922</b>	<b>19.022.537.998</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>19.100.920.922</b>	<b>19.022.537.998</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.197.100.000	13.197.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.197.100.000	13.197.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.860.000	8.860.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.544.508.710	2.544.508.710
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.350.452.212	3.272.069.288
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.272.069.288	3.043.833.637
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		78.382.924	228.235.651
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>107.647.894.044</b>	<b>124.617.045.295</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Người lập



Bùi Đức Long

Kế toán trưởng



Bùi Đức Long

Nghệ An, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



Trần Đức Thanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	54.020.086.303	30.426.341.404
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		54.020.086.303	30.426.341.404
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	50.925.600.151	27.247.868.222
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.094.486.152	3.178.473.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	244.683.986	22.194.221
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.580.771.735	1.373.043.195
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.539.462.115	1.373.043.195
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.422.432.533	2.034.223.918
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		335.965.870	(206.599.710)
11. Thu nhập khác	31	6.6	64.507.342	-
12. Chi phí khác	32	6.6	94.831.745	45.708.743
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(30.324.403)	(45.708.743)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		305.641.467	(252.308.453)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	227.258.543	143.036.247
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		78.382.924	(395.344.700)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	59	(300)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	30	(300)

Người lập



Bùi Đức Long

Kế toán trưởng



Bùi Đức Long

Nghệ An, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



Trần Đức Thanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		69.834.157.802	24.753.128.073
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(87.768.278.462)	(37.464.799.025)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.582.187.000)	(4.192.921.277)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.489.599.100)	(1.260.466.016)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(482.287.059)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.201.107.597	2.924.532.727
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.090.913.061)	(3.164.511.031)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(25.377.999.283)</b>	<b>(18.405.036.549)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	50.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.617.129	22.194.221
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.617.129</b>	<b>72.194.221</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		39.699.334.485	21.890.060.390
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(33.260.246.347)	(21.090.234.278)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>6.439.088.138</b>	<b>799.826.112</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(18.931.294.016)</b>	<b>(17.533.016.216)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	20.150.876.115	18.500.519.561
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>1.219.582.099</b>	<b>967.503.345</b>

Nghệ An, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập



Bùi Đức Long

Kế toán trưởng



Bùi Đức Long

Giám đốc



Trần Đức Thanh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 tiền thân là Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam). Quyết định số 122/2033/QĐ-BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3 thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900576216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20/11/2003, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 06 ngày 08/06/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 08/06/2023 là: 13.197.100.000 VND (*Bằng chữ: Mười ba tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu VE3.

Trụ sở chính của Công ty: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Số lao động tại ngày 30/6/2024 là 53 người (tại ngày 31/12/2023 là 42 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghệ, thủy lợi; Xây dựng các nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 500KV;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xử lý nền móng công trình;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất cột điện bê tông, cống bê tông ly tâm, cống rung lắc và các sản phẩm từ bê tông;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Xây dựng các đường dây và trạm biến áp.

**1.3 Chu kỳ sản xuất kinh, doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 50
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Phương tiện, vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất ở lâu dài tại thửa số 288, tờ bản đồ 35 tại xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty đang không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**Cho thuê tài sản****Cho thuê hoạt động**

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời hạn sử dụng.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Trích trước chi phí xây dựng theo các biên bản nghiệm thu khối lượng.
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là Khoản chi phí bảo hành thi công công trình.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội cổ đông phê duyệt.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hợp đồng xây dựng.

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### ***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	44.597.797	38.300.841
Tiền gửi ngân hàng	119.984.302	19.057.575.274
Các khoản tương đương tiền	1.055.000.000	1.055.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	1.055.000.000	1.055.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.219.582.099</b>	<b>20.150.876.115</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh số tiền 1.055.000.000 VND với lãi suất từ 1,6% đến 1,9%/năm.

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>1.200.000.000</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An số tiền 1.200.000.000 VND với lãi suất từ 4,7% đến 5,1%/năm.

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>35.930.826.268</b>	<b>47.288.491.886</b>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương Mại Lâm Trang	-	8.531.869.297
Tổng công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam	12.047.090.338	8.295.322.105
Công ty điện lực Nghệ An-Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	2.820.967.653	3.046.506.819
Công ty Cổ phần Tài chính và Phát triển Năng Lượng	7.723.393.399	6.756.786.059
Công ty TNHH MTV điện lực Đà Nẵng	902.683.760	3.782.179.523
Công ty Cổ phần thương mại Xây lắp công nghiệp Thăng Long	1.531.578.434	3.630.786.334
Phải thu khách hàng khác	10.905.112.684	13.245.041.749
<b>Tổng</b>	<b>35.930.826.268</b>	<b>47.288.491.886</b>

Trong đó:

<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>12.176.533.338</b>	<b>8.295.322.105</b>
(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.567.088.869</b>	<b>5.021.391.506</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh TM và ĐT Xây dựng Đại Thành Phát	1.642.381.622	-
Công ty cổ phần đầu tư Phúc Hoàng Minh	1.777.591.351	-
Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Bách khoa	-	2.379.852.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	802.161.649	802.161.649
Công ty TNHH Đồng Vĩnh Thịnh	513.035.109	513.035.109
Trả trước người bán khác	1.831.919.138	1.326.342.748
<b>Tổng</b>	<b>6.567.088.869</b>	<b>5.021.391.506</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước người bán là bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>802.161.649</i>	<i>802.161.649</i>

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.322.311.573</b>	<b>(500.000)</b>	<b>14.586.369.724</b>	<b>(500.000)</b>
Tạm ứng	12.639.855.293	-	12.597.457.731	-
Ký cược, ký quỹ	1.858.591.213	-	1.453.445.006	-
Phải thu khác	823.865.067	(500.000)	535.466.987	(500.000)
<i>Phi bảo lãnh tạm ứng DZ</i> <i>và TBA 220kv Việt Trì Tam</i> <i>Dương Bá Thiện</i>	249.406.394	-	249.406.394	-
Phải thu khác	574.458.673	(500.000)	286.060.593	(500.000)
<b>Tổng</b>	<b>15.322.311.573</b>	<b>(500.000)</b>	<b>14.586.369.724</b>	<b>(500.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.6 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2024				01/01/2024			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Việt Á Nghĩa Đoàn	Trên 3 năm	227.472.400	(227.472.400)	-	Trên 3 năm	227.472.400	(227.472.400)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Á	Trên 3 năm	126.816.013	(126.816.013)	-	Trên 3 năm	126.816.013	(126.816.013)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Sông Hồng	Trên 3 năm	63.045.500	(63.045.500)	-	Trên 3 năm	63.045.500	(63.045.500)	-
Lê Tiến Thông - XD Thông Châu Hà Tĩnh	Trên 3 năm	53.772.168	(53.772.168)	-	Trên 3 năm	53.772.168	(53.772.168)	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hương Sắc	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	723.719.507	(265.859.754)	457.859.753
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	838.070.762	(838.070.762)	-	Trên 3 năm	838.070.762	(838.070.762)	-
<b>Tổng</b>		<b>1.309.176.843</b>	<b>(1.309.176.843)</b>	<b>-</b>		<b>2.032.896.350</b>	<b>(1.575.036.597)</b>	<b>457.859.753</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.7 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.451.339.613	(31.428.690)	1.922.056.987	(31.428.690)
Công cụ, dụng cụ	68.277.130	(1.878.552)	8.279.219	(1.878.552)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.540.756.051	(5.724.243)	24.178.730.202	(5.724.243)
Thành phẩm	2.146.406.110	(31.029.377)	2.583.094.021	(31.029.377)
<b>Tổng</b>	<b>39.206.778.904</b>	<b>(70.060.862)</b>	<b>28.692.160.429</b>	<b>(70.060.862)</b>

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại 30/6/2024 như sau:

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công trình DZ 110KV Tĩnh Gia 2	4.560.551.879	-	4.551.884.305	-
Công trình ĐZ 110kV Xuân Sơn	7.589.772.456	-	6.733.913.450	-
Công trình Trạm biến áp 220kV bá Thiện và ĐZ 220kV Việt Trì	6.516.773.535	-	2.527.283.048	-
Công trình DZ 110KV đấu nối nhà máy thủy điện Tr'Hy	1.420.808.858	-	2.931.754.899	-
Công trình khác	10.452.849.323	-	7.433.894.500	-
<b>Tổng</b>	<b>30.540.756.051</b>	<b>-</b>	<b>24.178.730.202</b>	<b>-</b>

(\*) Giá trị hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh công trình xây dựng dở dang dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 14.400.867.159 VND (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 28.692.160.429 VND).

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>43.928.942</b>	<b>35.947.330</b>
Chi phí bảo hiểm	20.415.525	18.906.370
Chi phí trả trước khác	23.513.417	17.040.960
<b>Dài hạn</b>	<b>308.107.547</b>	<b>402.686.741</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	81.152.041	63.930.403
Chi phí sửa chữa	164.539.676	233.864.223
Chi phí thu xếp vốn chờ phân bổ	57.749.162	99.058.782
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.666.668	5.833.333
<b>Tổng</b>	<b>352.036.489</b>	<b>438.634.071</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	4.227.035.569	8.257.797.549	3.753.168.181	124.695.953	16.362.697.252
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	4.227.035.569	8.257.797.549	3.753.168.181	124.695.953	16.362.697.252
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	3.665.119.673	4.412.764.928	3.024.842.326	116.732.064	11.219.458.991
Tăng trong kỳ	23.670.304	216.167.053	139.543.090	2.350.000	381.730.447
Khấu hao trong kỳ	23.670.304	216.167.053	139.543.090	2.350.000	381.730.447
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	3.688.789.977	4.628.931.981	3.164.385.416	119.082.064	11.601.189.438
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2024	561.915.896	3.845.032.621	728.325.855	7.963.889	5.143.238.261
Tại 30/6/2024	538.245.592	3.628.865.568	588.782.765	5.613.889	4.761.507.814

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2024 là 2.945.896.439 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 2.731.730.573 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 8.144.648.369 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 6.107.132.098 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10 Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>a. Bất động sản đầu tư</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>3.486.000.000</b>	-	-	<b>3.486.000.000</b>
- Quyền sử dụng đất	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>3.486.000.000</b>	-	-	<b>3.486.000.000</b>
- Quyền sử dụng đất	3.486.000.000	-	-	3.486.000.000

(\*) Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất ở lâu dài tại thửa số 288, tờ bản đồ 35 tại xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tại ngày 30/6/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty, tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này và giá trị thị trường, Công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**5.11 Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.497.804.432</b>	<b>30.497.804.432</b>	<b>53.258.416.513</b>	<b>53.258.416.513</b>
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	791.039.423	791.039.423	749.729.803	749.729.803
Công ty TNHH Nhật Quang Huy	2.057.926.311	2.057.926.311	3.987.314.826	3.987.314.826
Công ty TNHH phát triển năng lượng Đà Nẵng	1.792.141.279	1.792.141.279	4.681.281.417	4.681.281.417
Công ty CP xây dựng điện VNECO2	1.756.588.176	1.756.588.176	1.756.588.176	1.756.588.176
Công ty CP Đầu tư và Phát triển 678	265.769.198	265.769.198	265.769.198	265.769.198
Chi nhánh Công ty TNHH xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Bình Minh tại Thanh Hóa	775.449.573	775.449.573	2.475.449.573	2.475.449.573
Công ty CP Xây dựng Hùng An	1.184.897.626	1.184.897.626	6.073.689.938	6.073.689.938
Công ty CP Kinh doanh TM và ĐT Xây dựng Đại Thành Phát	-	-	7.974.699.361	7.974.699.361
Phải trả người bán khác	21.873.992.846	21.873.992.846	25.293.894.221	25.293.894.221
<b>Dài hạn</b>	<b>409.683.406</b>	<b>409.683.406</b>	<b>409.683.406</b>	<b>409.683.406</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	409.683.406	409.683.406	409.683.406	409.683.406
<b>Tổng</b>	<b>30.907.487.838</b>	<b>30.907.487.838</b>	<b>53.668.099.919</b>	<b>53.668.099.919</b>

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan

1.200.722.829	1.200.722.829	1.159.413.209	1.159.413.209
---------------	---------------	---------------	---------------

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>11.045.046.410</b>	<b>9.274.449.585</b>
BQLDA Xây dựng điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty điện lực miền Bắc (*)	6.268.765.145	6.268.765.145
BQLDA Xây dựng huyện Cẩm Xuyên	-	2.453.000.000
Người mua trả tiền trước khác	4.776.281.265	552.684.440
<b>Tổng</b>	<b>11.045.046.410</b>	<b>9.274.449.585</b>

(\*) Khoản tiền tạm ứng của BQLDA xây dựng điện miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty điện lực miền Bắc theo Hợp đồng Xây lắp số 75/HĐXL/BDAXD-KHVT ngày 29/11/2023 gói thầu NL.06: Xây lắp đường dây và TBA 110kV - Dự án: Đường dây và TBA 110kV Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
<b>Phải nộp</b>	<b>506.000.667</b>	<b>400.199.535</b>	<b>514.876.854</b>	<b>391.323.348</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	482.497.689	227.258.543	482.287.059	227.469.173
Thuế thu nhập cá nhân	23.502.978	39.128.060	29.589.795	33.041.243
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	130.812.932	-	130.812.932
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

**5.14 Chi phí phải trả**

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>272.084.510</b>	<b>3.371.248.026</b>
Trích trước chi phí CT Hoàng Long	222.084.510	755.045.000
Trích trước chi phí CT Sơn Nam	-	2.253.203.026
Trích trước công trình Diễn Châu-Đô Lương-Thanh Chương-Nghĩa Đàn	-	333.000.000
Trích trước chi phí khác	50.000.000	30.000.000
<b>Tổng</b>	<b>272.084.510</b>	<b>3.371.248.026</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.371.100.157</b>	<b>1.708.810.039</b>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	93.659.180	63.806.560
Bảo hiểm xã hội	302.772.937	99.039.374
Bảo hiểm y tế	59.602.989	25.509.273
Bảo hiểm thất nghiệp	52.600.078	35.168.731
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.862.464.973	1.485.286.101
- Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	1.288.327.916	1.260.384.291
- Các đối tượng khác	574.137.057	224.901.810
<b>Tổng</b>	<b>2.371.100.157</b>	<b>1.708.810.039</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải trả khác là bên liên quan</b>	<b>1.288.327.916</b>	<b>1.260.384.291</b>
<i>(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>42.856.948.353</b>	<b>42.856.948.353</b>	<b>39.699.334.485</b>	<b>33.260.246.347</b>	<b>36.417.860.215</b>	<b>36.417.860.215</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh (1)	2.588.508.000	2.588.508.000	2.588.508.000	1.366.368.000	1.366.368.000	1.366.368.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh (2)	28.625.357.727	28.625.357.727	27.274.176.990	23.579.378.622	24.930.559.359	24.930.559.359
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An (3)	2.851.884.975	2.851.884.975	2.851.884.975	-	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (4)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Trần Thị Kim Hoa (5)	3.754.186.898	3.754.186.898	2.000.433.000	3.028.219.725	4.781.973.623	4.781.973.623
Vay cá nhân khác (5)	4.037.010.753	4.037.010.753	4.984.331.520	5.286.280.000	4.338.959.233	4.338.959.233
<b>Tổng</b>	<b>42.856.948.353</b>	<b>42.856.948.353</b>	<b>39.699.334.485</b>	<b>33.260.246.347</b>	<b>36.417.860.215</b>	<b>36.417.860.215</b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay và nợ thuê tài chính là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 .

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (1) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT442-VNECO3 ngày 15/06/2023 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh và Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức cho vay là 5.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh cột điện, cột, ống bê tông các loại,... Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo bao gồm :
- + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017 giữa Công ty CP Xây dựng điện Vneco3 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Vinh;
  - + Hợp đồng thế chấp Động sản số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
  - + Hợp đồng thế chấp Phương tiện giao thông số 01-2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
  - + Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
  - + Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2017/HĐTC ký ngày 16/05/2017;
  - + Hợp đồng thế chấp giấy tờ có giá số 04/2020/HĐBĐ/NHCT442-VNECO3 ký ngày 25/08/2020;
  - + Hợp đồng thế chấp giấy tờ có giá số 01/2022/HĐBĐ/NHCT442 ký ngày 10/03/2022;
  - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/HĐBĐ/NHCT442 ký ngày 19/04/2023.
- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 140370.23.812.4530380.TD ngày 09/06/2023 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Nghệ An và Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức cho vay là 90.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp điện của khách hàng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo bao gồm :
- + Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 554762; Cơ quan cấp: Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 25/11/2021 cấp cho Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;
  - + Khoản phải thu hình thành từ Hợp đồng xây lắp số 199/HĐXL/BDAXD-KHVT ngày 28/11/2022 giữa Ban Quản lý dự án Xây dựng điện miền Bắc chi nhánh tổng Công ty Điện lực miền Bắc&Liên danh Công ty CP Xây dựng điện VNECO3 và Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng An;
  - + Khoản phải thu hình thành từ Hợp đồng số 27/2022/HĐXL-PCNA-BDA ngày 14/07/2022 giữa Công ty điện lực Nghệ An Chi nhánh tổng công ty Điện lực miền Bắc&Công ty CP Xây dựng điện VNECO3;
  - + Khoản phải thu hình thành từ hợp đồng số 88/2022/HĐXL/BDAXD-KHVT ngày 31/05/2022 giữa Ban quản lý dự án Xây dựng điện miền Bắc Chi nhánh tổng công ty Điện lực miền Bắc&Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3;
  - + Hàng hóa và quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 140386.23.812.4530380.BD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

- (3) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 149/2024/HDTD/VNH ngày 06/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An và Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 với hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể:
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 321/2020/HDBD/VNH/01 ngày 08/8/2021;
  - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 217/2023/HDBD/VNH/01 ngày 21/12/2023;
  - + Các hợp đồng đảm bảo và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế khác.
- (4) Hợp đồng thu xếp vốn số 03/2018/HĐTXV với Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam ngày 23/11/2018 với hạn mức 1.533.845.480 đồng. Mục đích vay là để phục vụ thi công công trình, với lãi suất 10%/năm. Thời hạn vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo: hình thức vay tín chấp và toàn bộ các khoản phải thu từ các công trình của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đối với Công ty CP Xây dựng điện VNECO3.
- (5) Các khoản vay cá nhân để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh, lãi suất khoản vay từ 8,7% đến 10,5%/năm.

**5.17 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.043.833.637	18.794.302.347
Lãi trong năm trước	-	-	-	228.235.651	228.235.651
Số dư tại 31/12/2023	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.272.069.288	19.022.537.998
Số dư tại 01/01/2024	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.272.069.288	19.022.537.998
Lãi trong kỳ này	-	-	-	78.382.924	78.382.924
Số dư tại 30/6/2024	13.197.100.000	8.860.000	2.544.508.710	3.350.452.212	19.100.920.922

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	6.466.579.000	6.985.720.000
Các cổ đông khác	6.730.521.000	6.211.380.000
<b>Tổng</b>	<b>13.197.100.000</b>	<b>13.197.100.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	13.197.100.000	13.197.100.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	13.197.100.000	13.197.100.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.319.710	1.319.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.319.710	1.319.710
Cổ phiếu phổ thông	1.319.710	1.319.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.319.710	1.319.710
Cổ phiếu phổ thông	1.319.710	1.319.710
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ**

	30/6/2024	01/01/2024
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
USD	942,04	942,04



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	31.827.320.518	30.267.225.768
Doanh thu bán hàng	21.947.771.010	113.115.636
Doanh thu cung cấp dịch vụ	244.994.775	46.000.000
<b>Tổng</b>	<b>54.020.086.303</b>	<b>30.426.341.404</b>

Trong đó:

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các bên liên quan*

(Chi tiết tại thuyết minh 7.1)

	3.584.983.549	15.054.883.834
--	---------------	----------------

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	28.600.335.318	27.134.251.333
Giá vốn bán hàng	22.168.316.455	102.850.644
Giá vốn cung cấp dịch vụ	156.948.378	10.766.245
<b>Tổng</b>	<b>50.925.600.151</b>	<b>27.247.868.222</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.074.247	22.194.221
Lãi bán hàng trả chậm	215.609.739	-
<b>Tổng</b>	<b>244.683.986</b>	<b>22.194.221</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	1.539.462.115	1.373.043.195
Chi phí lãi chậm thanh toán	41.309.620	-
<b>Tổng</b>	<b>1.580.771.735</b>	<b>1.373.043.195</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 7.1)</i>	<i>49.863.015</i>	<i>112.577.179</i>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.422.432.533</b>	<b>2.034.223.918</b>
Chi phí nhân viên quản lý	510.895.250	860.796.972
Chi phí đồ dùng văn phòng	47.480.045	7.616.882
Chi phí khấu hao TSCĐ	71.795.240	144.527.755
Thuế phí và lệ phí	179.392.589	134.264.205
Chi phí dự phòng	(265.859.754)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.762.848	167.022.350
Chi phí bằng tiền khác	490.966.315	719.995.754
<b>Tổng</b>	<b>1.422.432.533</b>	<b>2.034.223.918</b>

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	64.507.342	-
<b>Tổng</b>	<b>64.507.342</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Xử lý thiếu khi kiểm kê	9.846.635	-
Các khoản phạt chậm nộp thuế, BHXH	21.186.860	-
Chi phí khác	63.798.250	45.708.743
<b>Tổng</b>	<b>94.831.745</b>	<b>45.708.743</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(30.324.403)</b>	<b>(45.708.743)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>305.641.467</b>	<b>(252.308.453)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng:	830.651.249	967.489.689
-Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát không chuyên trách	-	47.800.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	15.653.621	41.330.481
-Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	814.997.628	878.359.208
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.136.292.716</b>	<b>715.181.236</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>227.258.543</b>	<b>143.036.247</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty</b>	<b>78.382.924</b>	<b>(395.344.700)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>78.382.924</b>	<b>(395.344.700)</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.319.710	1.319.710
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)</b>	<b>59</b>	<b>(300)</b>

(\*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích các quỹ này. Nếu loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông phổ thông sẽ giảm và lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm tương ứng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.9 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty</b>	<b>78.382.924</b>	<b>(395.344.700)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>78.382.924</b>	<b>(395.344.700)</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.319.710	1.319.710
Số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (*)	1.319.710	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>30</b>	<b>(300)</b>

(\*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01 NQ/VNECO3-ĐHĐCĐ ngày 16/6/2024 đã thống nhất thông qua phương án tăng vốn điều lệ trong năm 2024 bằng việc phát hành cổ phiếu, số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 1.319.710 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến 13.197.100.000 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu, thời gian thực hiện dự kiến là sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.105.790.741	9.369.937.391
Chi phí nhân công	2.937.087.919	3.243.417.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	381.730.447	430.716.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.111.201.707	25.279.805.498
Chi phí khác bằng tiền	2.524.000.968	1.100.707.702
Chi phí dự phòng	(265.859.754)	-
<b>Tổng</b>	<b>36.793.952.028</b>	<b>39.424.584.586</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan của Công ty****Các bên liên quan****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Nội dung	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Lương, thù lao	426.224.000	371.631.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc (Tiếp theo)**

Họ và tên	Chức vụ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		<b>171.610.000</b>	<b>63.000.000</b>
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 27/05/2023)	123.610.000	2.500.000
Ông Võ Thành Lương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/05/2023)	-	12.500.000
Ông Trần Đức Thanh	Ủy viên	12.000.000	12.000.000
Ông Trương Thường Thịnh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 27/05/2023)	12.000.000	2.000.000
Bà Võ Hồng Cẩm Tú	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 27/05/2023)	12.000.000	2.000.000
Ông Bùi Quang Thành	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 27/05/2023)	12.000.000	2.000.000
Ông Đậu Ngọc Thanh	Nguyên Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 27/05/2023)	-	10.000.000
Bà Trần Thị Lương	Nguyên Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 27/05/2023)	-	10.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Nguyên Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 27/05/2023)	-	10.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>21.600.000</b>	<b>123.546.000</b>
Ông Nguyễn Thế Tam	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 27/05/2023)	12.000.000	2.000.000
Ông Nguyễn Thế Hùng	Nguyên Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 27/05/2023)	-	81.627.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên	4.800.000	35.119.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/05/2023)	4.800.000	800.000
Ông Nguyễn Huy Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/05/2023)	-	4.000.000
<b>Ban Giám đốc</b>		<b>233.014.000</b>	<b>185.085.000</b>
Ông Trần Đức Thanh	Giám đốc	111.460.000	84.689.000
Ông Nguyễn Văn Trọng	Phó Giám đốc	62.196.000	49.723.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Giám đốc	59.358.000	50.673.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>Vay</b>			<b>100.000.000</b>	-
Trần Đức Dũng	Quan hệ với nhân sự quản lý chủ chốt	Vay	100.000.000	-
<b>Trả vay</b>			<b>100.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Trần Đức Dũng	Quan hệ với nhân sự quản lý chủ chốt	Trả vay	100.000.000	1.500.000.000
<b>Bán hàng</b>			<b>3.584.983.549</b>	<b>15.054.883.834</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn	Thi công xây lắp	3.522.983.549	15.054.883.834
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty cùng Tập đoàn	Thi công xây lắp	62.000.000	-
<b>Mua hàng</b>			<b>44.528.210</b>	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn	Mua dịch vụ	19.180.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	25.348.210	-
<b>Lãi vay</b>			<b>49.863.015</b>	<b>112.577.179</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn	Lãi vay và lãi chậm trả	49.863.015	112.577.179

**c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>			<b>12.176.533.338</b>	<b>8.295.322.105</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn	Bán hàng hóa	12.167.090.338	8.295.322.105
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	9.443.000	-
<b>Trả trước người bán</b>			<b>802.161.649</b>	<b>802.161.649</b>
Công ty CP Xây dựng điện VNECO4	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	802.161.649	802.161.649
<b>Phải trả người bán</b>			<b>1.200.722.829</b>	<b>1.159.413.209</b>
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn	Mua hàng hóa	1.200.722.829	1.159.413.209
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			<b>1.288.327.916</b>	<b>1.260.384.291</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn	Lãi thu xếp vốn thiết bị và vật tư	1.288.327.916	1.260.384.291
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>			<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn	Vay	1.000.000.000	1.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>Hoạt động bán hàng và dịch vụ khác</b>	<b>Tổng</b>
Doanh thu thuần	31.827.320.518	22.192.765.785	54.020.086.303
Giá vốn	28.600.335.318	22.325.264.833	50.925.600.151
<b>Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh</b>	<b>3.226.985.200</b>	<b>(132.499.048)</b>	<b>3.094.486.152</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>			
Kết quả bộ phận	3.226.985.200	(132.499.048)	3.094.486.152
Doanh thu hoạt động tài chính			244.683.986
Chi phí tài chính			(1.580.771.735)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(1.422.432.533)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD			(30.324.403)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(227.258.543)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>			<b>78.382.924</b>

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>Hoạt động bán hàng và dịch vụ khác</b>	<b>Tổng</b>
Doanh thu	30.267.225.768	159.115.636	30.426.341.404
Giá vốn	27.134.251.333	113.616.889	27.247.868.222
<b>Lợi nhuận gộp từ kết quả kinh doanh</b>	<b>3.132.974.435</b>	<b>45.498.747</b>	<b>3.178.473.182</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>			
Kết quả bộ phận	3.132.974.435	45.498.747	3.178.473.182
Doanh thu hoạt động tài chính			22.194.221
Chi phí tài chính			(1.373.043.195)
Chi phí quản lý doanh nghiệp			(2.034.223.918)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD			(45.708.743)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(143.036.247)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>			<b>(395.344.700)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO3**

Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại 30/6/2024 như sau:

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động bán hàng và dịch vụ khác	Tổng
<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản bộ phận	91.245.412.363	6.531.925.548	97.777.337.911
Tài sản không phân bổ			9.870.556.133
<b>Tổng tài sản</b>	<b>91.245.412.363</b>	<b>6.531.925.548</b>	<b>107.647.894.044</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả của các bộ phận	61.029.434.667	13.188.309.693	74.217.744.360
Nợ phải trả không thể phân bổ			14.329.228.762
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>61.029.434.667</b>	<b>13.188.309.693</b>	<b>88.546.973.122</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2024 như sau:

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động bán hàng và dịch vụ khác	Tổng
<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản bộ phận	123.965.356.018	651.689.277	124.617.045.295
Tài sản không phân bổ			-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>123.965.356.018</b>	<b>651.689.277</b>	<b>124.617.045.295</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả của các bộ phận	105.042.297.060	552.210.237	105.594.507.297
Nợ phải trả không thể phân bổ			-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>105.042.297.060</b>	<b>552.210.237</b>	<b>105.594.507.297</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.3 Thông tin khác**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01 NQ/VNECO3-ĐHĐCĐ ngày 16/6/2024 đã thống nhất thông qua phương án tăng vốn điều lệ trong năm 2024 bằng việc phát hành cổ phiếu, số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 1.319.710 cổ phiếu, giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị phát hành dự kiến 13.197.100.000 VND và thời gian dự kiến phát hành trong năm 2024 sau khi được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận.

Tại ngày phát hành Báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu.

**7.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.



Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.

Nghệ An, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Đức Long

Bùi Đức Long

Trần Đức Thanh